

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính		
			Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân
1	Đất nông nghiệp	22.848,55	353,63	463,58	2.298,34
1.1	Đất trồng lúa	3.432,97	107,20	183,89	931,69
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.258,05	106,14	183,89	931,69
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	5.163,57	87,62	52,06	381,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	8.029,99	113,50	226,58	816,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.273,74	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.944,06	45,31	0,21	168,71
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	-	0,84	-
2	Đất phi nông nghiệp	14.829,35	1.304,92	1.411,40	1.272,02
2.1	Đất quốc phòng	589,81	6,87	18,29	-
2.2	Đất an ninh	8,45	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	2.809,80	-	977,61	82,23
2.5	Đất cụm công nghiệp	87,44	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	327,53	163,56	0,48	49,41
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	183,56	-	0,60	6,58
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.458,38	193,13	153,69	322,45
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	42,69	0,24	1,15	27,51
	- Đất cơ sở y tế	11,99	5,24	0,34	0,70
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	141,94	8,24	7,07	33,67
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	28,69	-	-	8,05
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.793,46	240,88	-	224,03
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	231,65	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,40	0,22	0,22	1,53
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	27,30	6,27	0,68	1,24
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,12	2,00	1,49	2,20
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	79,63	1,64	6,30	1,96
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,36	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,76	0,09	0,11	0,18
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	314,98	158,86	5,38	74,50
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,43	0,31	2,41	1,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.790,20	497,56	12,49	504,71
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	47,32	33,53	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng				

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính		
			Long Thọ	Phước An	Phước Khánh
1	Đất nông nghiệp	22.848,55	1.036,15	7.826,14	2.515,85
1.1	Đất trồng lúa	3.432,97	18,99	106,33	109,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.258,05	18,99	82,70	109,13
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	5.163,57	217,85	498,73	1.257,13
1.3	Đất trồng cây lâu năm	8.029,99	498,39	1.972,34	1.125,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.273,74	139,99	4.133,75	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.944,06	158,02	1.114,99	23,95
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	2,91	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	14.829,35	1.345,47	3.538,85	1.240,84
2.1	Đất quốc phòng	589,81	-	72,04	1,00
2.2	Đất an ninh	8,45	-	1,00	1,92
2.3	Đất khu công nghiệp	2.809,80	614,84	36,99	324,15
2.5	Đất cụm công nghiệp	87,44	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	327,53	1,79	62,99	5,96
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	183,56	-	1,51	84,71
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.458,38	231,98	596,10	146,76
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	42,69	2,37	6,88	0,39
	- Đất cơ sở y tế	11,99	0,10	3,72	0,10
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	141,94	23,59	13,23	3,66
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	28,69	-	9,39	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	5,99	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	-	-	0,04
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.793,46	239,89	256,01	76,02
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,40	0,29	3,76	0,26
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	27,30	15,17	1,28	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,12	1,64	0,94	0,79
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	79,63	23,84	9,88	3,75
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,36	0,42	2,32	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,76	2,10	0,24	0,04
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	314,98	3,98	0,11	0,88
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,43	2,34	3,10	0,40
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.790,20	201,20	2.479,54	591,41
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	47,32	-	11,04	2,75
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng				

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính		
			Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu
1	Đất nông nghiệp	22.848,55	937,26	1.553,59	1.273,02
1.1	Đất trồng lúa	3.432,97	564,75	440,47	375,05
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.258,05	564,75	318,01	349,25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	5.163,57	202,44	802,71	567,92
1.3	Đất trồng cây lâu năm	8.029,99	143,78	293,31	278,34
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.273,74	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.944,06	26,29	16,88	51,71
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	-	0,22	-
2	Đất phi nông nghiệp	14.829,35	764,75	658,39	900,68
2.1	Đất quốc phòng	589,81	-	38,41	5,28
2.2	Đất an ninh	8,45	1,94	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	2.809,80	285,88	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	87,44	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	327,53	0,42	0,55	2,09
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	183,56	14,90	45,99	23,96
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.458,38	145,53	54,42	46,38
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	42,69	1,00	0,62	0,97
	- Đất cơ sở y tế	11,99	0,14	0,22	0,09
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	141,94	6,24	3,87	2,49
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	28,69	1,66	1,22	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	-	1,66	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.793,46	169,45	76,98	68,35
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,40	0,82	0,69	0,44
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	27,30	0,16	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,12	0,91	4,99	0,28
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	79,63	3,21	2,63	2,86
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,36	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,76	0,32	0,13	0,16
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	314,98	1,85	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,43	1,85	0,74	0,77
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.790,20	137,51	431,20	750,11
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	47,32	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-			
3	Đất chưa sử dụng				

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính		
			Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp	22.848,55	1.069,26	694,50	2.827,23
1.1	Đất trồng lúa	3.432,97	140,69	16,20	438,26
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.258,05	139,53	15,75	438,22
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	5.163,57	181,86	195,00	718,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	8.029,99	723,36	433,07	1.405,57
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.273,74	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.944,06	23,35	50,21	264,43
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	-	0,02	0,23
2	Đất phi nông nghiệp	14.829,35	837,46	1.056,04	498,53
2.1	Đất quốc phòng	589,81	0,88	439,38	7,66
2.2	Đất an ninh	8,45	3,59	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	2.809,80	488,10	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	87,44	-	72,07	15,37
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	327,53	3,06	31,66	5,56
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	183,56	2,29	2,90	0,12
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.458,38	157,26	207,67	203,01
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	42,69	1,14	0,42	-
	- Đất cơ sở y tế	11,99	1,16	0,05	0,13
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	141,94	10,57	23,38	5,93
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	28,69	0,18	8,19	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	0,08	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.793,46	115,41	188,50	137,94
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,40	5,35	0,31	0,51
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	27,30	2,20	0,30	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,12	3,06	0,67	15,15
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	79,63	5,00	2,84	15,72
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,36	0,62	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,76	0,14	0,06	0,19
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	314,98	7,98	58,40	3,04
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,43	1,72	1,15	0,64
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.790,20	40,72	50,13	93,62
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	47,32	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng				

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN NHƠN TRẠCH

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích quy hoạch được duyệt	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2020	Kết quả thực hiện				
				Diện tích (ha)	So sánh			
					Quy hoạch		Kế hoạch	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	17.189,26	21.620,23	19.837,79	2.648,53	115,41	-1.782,44	91,76
1.1	Đất trồng lúa	2.447,43	3.360,00	2.503,97	56,54	102,31	-856,03	74,52
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.929,57</i>	<i>2.989,69</i>	<i>2.423,43</i>	<i>493,86</i>	<i>125,59</i>	<i>-566,26</i>	<i>81,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1.895,49	3.284,69	4.418,87	2.523,38	233,13	1.134,17	134,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	4.517,85	5.460,84	7.004,44	2.486,59	155,04	1.543,60	128,27
1.4	Đất rừng phòng hộ	6.754,55	6.030,70	4.137,38	-2617,17	61,25	-1.893,32	68,61
1.5	Đất rừng sản xuất	65,27	2.004,77	-	-65,27	-	-2.004,77	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	1.508,23	1.471,48	1.769,76	261,53	117,34	298,28	120,27
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,44	7,75	3,38	2,94	768,18	-4,37	43,61
2	Đất phi nông nghiệp	23.888,71	19.457,80	17.840,11	-6048,60	74,68	-1.617,69	91,69
2.1	Đất quốc phòng	687,09	564,17	652,19	-34,90	94,92	88,02	115,60
2.2	Đất an ninh	46,15	11,52	19,45	-26,70	42,14	7,93	168,79
2.3	Đất khu công nghiệp	3.342,40	2.972,87	3.658,76	316,36	109,47	685,89	123,07
2.4	Đất cụm công nghiệp	94,00	94,00	91,43	-2,57	97,27	-2,57	97,27
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	989,69	544,15	665,83	-323,87	67,28	121,67	122,36
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	221,13	174,14	196,39	-24,74	88,81	22,25	112,78
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	5.768,26	3.423,40	3.157,80	-2.610,46	54,74	-265,59	92,24
	<i>Trong đó:</i>							
	<i>- Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>12,49</i>	<i>41,23</i>	<i>90,01</i>	<i>77,52</i>	<i>720,43</i>	<i>48,78</i>	<i>218,32</i>
	<i>- Đất cơ sở y tế</i>	<i>42,05</i>	<i>17,70</i>	<i>18,71</i>	<i>-23,34</i>	<i>44,50</i>	<i>1,01</i>	<i>105,70</i>
	<i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>590,31</i>	<i>270,97</i>	<i>181,51</i>	<i>-408,81</i>	<i>30,75</i>	<i>-89,46</i>	<i>66,98</i>
	<i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>175,66</i>	<i>30,41</i>	<i>35,10</i>	<i>-140,56</i>	<i>19,98</i>	<i>4,69</i>	<i>115,44</i>
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	12,26	9,77	15,02	2,76	122,51	5,25	153,78
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	15,51	2,74	0,12	-15,39	0,77	-2,62	4,38
2.10	Đất ở tại nông thôn	3.479,88	3.695,59	2.866,39	-613,49	82,37	-829,20	77,56
2.11	Đất ở tại đô thị	1.489,52	-	241,54	-1.247,98	16,22	241,54	
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	34,04	17,20	14,36	-19,68	42,18	-2,84	83,47
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	91,74	29,85	32,50	-59,24	35,42	2,65	108,89
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	37,31	33,54	37,48	0,17	100,47	3,94	111,76
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	81,44	70,07	131,17	49,73	161,06	61,10	187,20
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	52,00	38,67	36,05	-15,95	69,33	-2,62	93,22
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	5,84	3,48	3,76	-2,08	64,44	0,28	108,04
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	395,76	295,98	331,07	-64,69	83,66	35,09	111,85
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	14,69	13,45	16,43	1,74	111,86	2,98	122,16
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	7.011,55	7.451,18	5.633,88	-1.377,67	80,35	-1.817,30	75,61
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	18,45	12,04	38,50	20,05	208,64	26,46	319,82
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
I. Các dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai			
1	Khu dân cư xã Phước Thiện do Công ty TNHH Hương Nga làm chủ đầu tư	Phước Thiện	4,87
2	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Long Tân, Phú Hội	9,99
3	Đội thanh tra giao thông số 8	Phú Hội	0,20
4	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Phú Hội	0,04
5	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Chợ	Phước Thiện	0,03
II. Các dự án chưa triển khai thực hiện			
1. Các dự án đã có quyết định thu hồi đất			
6	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
7	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
8	Trường mầm non Long Thọ	Long Thọ	0,90
9	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60
10	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Long Tân	6,36
11	Đường Phú Tân Phú Đông	Phú Đông	11,88
12	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Phước Thiện	54,00
13	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99
14	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Phước Thiện	0,43
15	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Long Thọ	3,20
16	Nạo vét tạm kênh thoát nước cuối đường số 2	Vĩnh Thanh	3,50
17	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đấu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
18	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	0,12
19	Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Ông Kèo & đấu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
20	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Các xã	0,02
21	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Đại Phước	3,05
22	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	Phú Hội	17,29
23	Khu tái định cư Phước Thiện	Phước Thiện	14,90
24	Khu chung cư cao tầng	Long Tân, Phú Hội	1,00
25	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Nhơn Thành)	Đại Phước	2,00
26	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	9,60
27	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	9,84
28	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	21,50
29	Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Hội	9,17
30	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	753,00

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
31	Khu dân cư Phước An (Công ty Đệ Tam)	Phước An	47,39
32	Khu dân cư xã Phước Thiện (Công ty Hoàng Trạch)	Phước Thiện	12,00
33	Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trạch Nhơn Trạch làm chủ đầu tư	Phú Hội	8,00
34	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Long Tân, Phước An	40,95
35	Nhà kho lưu trữ chuyên dụng (Phòng nội vụ)	Phú Hội	0,56
	2. Các dự án đã có thông báo thu hồi đất		
36	Trung tâm sát hạch lái xe (tổng cục Cảnh sát)	Phú Hội, Long Tân	5,00
37	Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI	Long Thọ	20,00
38	Khu dịch vụ cảng (Tập đoàn Dầu khí)	Phước An	550,00
39	Trung tâm Văn hoá thể thao	Vĩnh Thanh	0,88
40	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	149,80
41	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Hiệp Phước	0,32
42	Đường vào trung tâm đo kiểm	Hiệp Phước	0,09
43	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện (trong đó có đường số 6 GD 1 diện tích 1,48 ha tại Phú Hội)	Long Tân, Phú Hội	43,66
44	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Long Tân, Phú Hội	15,04
45	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69
46	Cầu đường Quận 9 - Nhơn Trạch (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phú Thiện, Vĩnh Thanh	126,54
47	Nâng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phú Đông	6,80
48	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phú Hữu, Phú Đông	8,26
49	Đường từ KCN NT V đến HL 19 (Phước An)	Phước An	20,60
50	Đường vào KCN Ông Kèo	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44
51	Cảng tổng hợp (Công ty Phúc Thành)	Phước Khánh	10,00
52	Đường số 3 xã Phước Thiện (769 đến KCN Nhơn Trạch 1)	Phước Thiện	5,04
53	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	Phước Thiện	2,28
54	Đường 25C	Vĩnh Thanh, Phú Thiện Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội	102,70
55	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Kỳ	Hiệp Phước	0,62
56	Hệ thống thoát nước khu vực cây xanh	Phú Hội, Long Tân, Phước An	24,20
57	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Phước An	6,50
58	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Hiệp Phước, Long Thọ	0,10
59	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Nhà Bè	Phước Khánh	0,14
60	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	0,10
61	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Phước Khánh	0,08
62	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ- Nhà Bè	Phước Khánh	0,20
63	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái	Phước Khánh, Vĩnh Thanh	0,18
64	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Vĩnh Thanh	0,05
65	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An	0,22

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
66	Bến thủy nội địa xã Phước An	Phước An	4,30
67	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	12,78
68	Khu Tái định cư Long Tân	Long Tân	21,00
69	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Thảo Điền)	Đại Phước, Phú Hữu	64,13
70	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)-Free land	Long Tân	125,00
71	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phương Đông)	Long Tân	35,00
72	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Long Tân	0,30
73	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCom)	Long Tân, Phú Hội	55,70
74	Khu dân cư thương mại (Công ty Đại Viễn Dương)	Long Tân, Phú Hội	9,90
75	Khu dân cư (Công ty Tiến Lộc)	Long Thọ	18,50
76	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Gia)	Phú Hữu	56,00
77	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	90,00
78	Khu dân cư Phước An (Công ty lắp máy Điện nước)	Phước An	40,00
79	Khu dân cư Phước An (Công ty HUD)	Phước An, Long Thọ	50,00
80	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Licogi và Hiệp Phước Khánh)	Phước Thiện	35,00
81	Khu dân cư Phước Thiện (Công ty Toàn Thành)	Phước Thiện	43,48
82	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1) (Công ty Thảo Điền)	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00
83	Chùa Long Hương (mở rộng)	Long Tân	1,76
84	Nhà Văn hóa Hòa Bình xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	0,04
85	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Vĩnh Thanh	0,05
86	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Vĩnh Thanh	0,03
	3. Các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư		
87	Trồng rừng kết hợp tạo cảnh quan sinh thái	Phước An	27,90
88	Chốt dân quân thường trực KCN	Phước Khánh	0,20
89	Trụ sở phòng Cảnh sát PCCC trên sông	Phước Khánh	1,00
90	Khu công nghiệp Ông Kèo	Phước Khánh	200,00
91	Dự án xây dựng khu vui chơi giải trí kết hợp xây dựng hồ bơi	Hiệp Phước	0,08
92	Trạm Kinh doanh xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.	Phú Thạnh	0,28
93	Trạm xăng dầu khu dịch vụ xã Long Thọ	Long Thọ	0,20
94	Trạm xăng Phước Thiện (trên đường Trần Phú)_mã số 554	Phước Thiện	0,20
95	Khu trung tâm thương mại	Hiệp Phước, Long Thọ	50,91
96	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế huyện)	Phước An	5,00
97	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	1,09
98	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	1,07
99	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Phú Thạnh	0,31
100	Trường THPT Phước Thiện	Phước Thiện	2,00
101	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Phú Hội	0,70
102	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Long Tân , Phước Thiện	126,00

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
103	Trường MG-TH-THCS Đông Sài Gòn (Công ty CP Nguyên Cường)	Long Tân	2,00
104	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	0,78
105	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu	Phú Hữu	35,47
106	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03
107	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	7,60
108	Cảng Tổng hợp (Công ty Việt Thuận Thành)	Đại Phước, Phú Hữu	69,20
109	Cảng Tổng hợp Phú Hữu (Bến 4)	Phú Hữu	40,59
110	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Long Thọ	0,06
111	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân	4,26
112	Bờ kè sông Vàm Mương- Lòng Tàu	Phước Khánh	1,40
113	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN VI	Long Thọ	2,00
114	Hệ thống thoát nước dọc HL 19 từ áp 1 đến áp 3	Hiệp Phước	0,70
115	Hệ thống thoát nước từ HL 19 đến kênh Bà Ký (2 cống áp 1 và áp 2)	Hiệp Phước	0,28
116	Nạo vét kênh Bà Ký	Hiệp Phước	0,50
117	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03
118	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Vĩnh Thanh, Phước An	0,10
119	Trạm biến áp 220KV An Phước	Hiệp Phước	0,28
120	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40
121	Khu tái định cư Phước An	Phước An	40,00
122	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	25,00
123	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Đại Phước	130,75
124	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	18,33
125	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	2,70
126	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Hoàng Anh An Hòa)	Hiệp Phước	4,75
127	Khu dân cư Long Tân (1)	Long Tân	95,00
128	Trung tâm HCVHTT kết hợp chợ, phố chợ (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	48,18
129	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Đại Phước	4,50
130	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Long Tân	9,50
131	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	88,41
132	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	34,19
133	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Phú Đông	3,29
134	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	34,04
135	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	8,16
136	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	Phước An	43,20
137	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Phước Thiện	9,90
138	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	331,00
139	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	70,00
140	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Phước Thiện	8,20

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
141	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	2,00
142	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Phước Thiện, Phú Hội	16,27
143	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Vĩnh Thanh	46,09
144	Khu nhà ở công nhân KCN I	Phước Thiện	10,00
145	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Phước Thiện	3,30
146	Dự án khu dân cư Công ty Nhơn Thành	Phước An	36,87
147	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Đại Phước	55,33
148	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Long Tân	35,30
149	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành)	Phú Hội	7,06
150	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Vĩnh Thanh	6,62
151	Giáo xứ Mỹ Hội (khu nhà từ thiện)	Phú Hội	0,20
152	Họ đạo Cao đài Đại Phước	Phú Hữu	0,04
153	Mở rộng trường TH Phú Đông	Phú Đông	0,45
154	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Long Thọ	10
155	Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu- Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch	Đại Phước	0,51
156	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Phước Khánh	14,65
157	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Phước Thiện	13,00
158	Khu dân cư đô thị	Long Tân	28,50
159	Khu dân cư thương mại đô thị mới	Long Tân, Phú Hội	22,37
160	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Tân	33,92
161	KDC Phú Đông Riverside	Phú Đông	2,35
162	KDC đô thị Lành Mạnh	Vĩnh Thanh	29,60
163	KDC Vĩnh Thanh (Công ty CPĐT Donal)	Vĩnh Thanh	2,75
164	KDC theo quy hoạch	Long Thọ	3,85
165	Khu dân cư theo quy hoạch (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Long Tân	7,77
166	Khu dân cư tại xã Phú Hội (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Phú Hội	12,97
167	Khu dân cư đô thị theo Quy hoạch	Phú Hội	18,50
168	Khu dân cư tại xã Phước Thiện (Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Phúc Tiến)	Phước Thiện	39,15
169	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Mai-Archi)	Long Tân	19,67
4. Các dự án đã có ở hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai			
170	Trạm xăng dầu xã Đại Phước (DNTN Thanh Dinh)	Đại Phước	0,11
171	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Phú Hữu	1,20
172	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấn 2	Phú Thạnh	0,32
173	Trường mầm non Phú Đông	Phú Đông	1,00
174	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Phú Thạnh	0,72
175	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	Phước Khánh	0,10
176	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Phước Khánh	0,04
177	Trường mầm non Phước Long	Long Thọ	0,07

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
178	Mở rộng bến phà Cát Lái	Phú Hữu	0,13
179	Dự án xây dựng đường dân sinh phục vụ xây dựng móng trụ 18 đường điện 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái tại xã Phước Khánh	Phước Khánh	0,03
180	ICD kho số 5	Phú Thạnh	12,23
181	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Vĩnh Thanh	0,02
182	Hộ đạo Long Tân	Long Tân	0,10
183	Thiền viện Hương Nghiêm	Phú Đông	0,54
184	Chùa Pháp Thường (mở rộng)	Phú Đông	3,90
185	Giáo xứ Nghĩa Mỹ	Vĩnh Thanh	0,63
186	Tịnh thất Huyền Trang	Long Thọ	0,05
187	Tịnh thất Phước Quang	Phú Hội	0,05
188	Chùa Khánh Lâm	Phú Thạnh	0,25
189	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Long Tân	0,05
190	Trường MN Đại Phước	Đại Phước	0,58
191	Trường TH Đại Phước	Đại Phước	1,21
192	Trường TH Phước Khánh	Phước Khánh	1,18
193	Trường MN Phước Long	Long Thọ	0,13
194	Trường MN Phú Thạnh cơ sở 2	Phú Thạnh	0,13
III. Các dự án chưa triển khai thực hiện			
1. Các dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2021			
195	Cụm tiêu thụ Công nghiệp	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	4,00
196	Khu dân cư theo quy hoạch	Phước An	64,00
197	Khu đất Lâm nghiệp Sài Gòn	Phước An, Long Thọ, Hiệp Phước, Long Tân	245,58
2. Các dự án đề nghị hủy kế hoạch			
198	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Phước An	82,00
199	Trụ sở Quỹ tín dụng Vạn điểm	Phước Thiện	0,01
200	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00
201	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00
202	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Phước An	2,12

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
I	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2020			
	1. Đất nông nghiệp			
1	Trồng rừng kết hợp tạo cảnh quan sinh thái	Phước An	27,90	Văn bản số 4475/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 vv chấp thuận chủ trương đầu tư cho Cty CP TM Việt Tín, công ty đang điều chỉnh chủ trương đầu tư và lập thủ tục giao đất.
	2. Đất quốc phòng			
2	Chốt dân quân thường trực KCN	Phước Khánh	0,20	Quyết định số /3088 QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh về đề án xây dựng trung đội dân quân thường trực các KCN trên địa bàn tỉnh
	3. Đất an ninh			
3	Trung tâm sát hạch lái xe (tổng cục Cảnh sát)	Phú Hội, Long Tân	5,00	Thông báo số 70/TB-UBND ngày 04/1/2012 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất
4	Trụ sở phòng Cảnh sát PCCC trên sông	Phước Khánh	1,00	Đã XD xong trên đất công của xã, bổ sung để thực hiện giao đất
	4. Đất khu công nghiệp			
5	Khu công nghiệp Ông Kèo	Phước Khánh	200,00	Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 6/4/2018 vv cho thuê đất của UBND tỉnh (0,99 ha)
6	Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI	Long Thọ	20,00	Đã bồi thường xong, đang lập thủ tục xin thuê đất
	5. Đất cụm công nghiệp			
7	Cụm tiểu thủ Công nghiệp	Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh	4,00	Chưa thực hiện
	6. Đất thương mại dịch vụ			
8	Dự án xây dựng khu vui chơi giải trí kết hợp xây dựng hồ bơi	Hiệp Phước	0,08	Văn bản số 2961/UBND-KT ngày 30/6/2015 của UBND huyện về việc giới thiệu địa điểm. Đang lập thủ tục CMĐ
9	Khu dịch vụ cảng (Tập đoàn Dầu khí)	Phước An	550,00	Thông báo THĐ số 10603/TB-UBND ngày 29/12/2009, văn bản đề nghị điều chỉnh diện tích thêm 2 ha cho đúng với kết quả đo đạc tỷ lệ 1/2000
10	Trạm Kinh doanh xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.	Phú Thạnh	0,28	Văn bản số 6458/UBND-ĐT ngày 23/12/2015 của UBND huyện về việc giới thiệu địa điểm. Đang lập thủ tục CMĐ
11	Trạm xăng dầu xã Đại Phước (DNTN Thanh Dinh)	Đại Phước	0,11	Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh về việc bổ sung 19 điểm kinh doanh xăng dầu (Mã số 538)
12	Trạm xăng dầu khu dịch vụ xã Long Thọ	Long Thọ	0,20	Văn bản số 2563/UBND-NN ngày 21/4/2017 của UBND huyện Nhơn Trạch vv thay đổi quy hoạch mạng lưới điểm xăng dầu (Mã số 270 từ Phước An chuyển sang Long Thọ)
13	Trạm xăng Phước Thiện (trên đường Trần Phú)_mã số 554	Phước Thiện	0,20	Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/1/2017 của UBND tỉnh vv phê duyệt hệ thống xăng dầu trên địa bàn tỉnh, đang lập thủ tục xin CMĐ

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
14	Khu trung tâm thương mại	Hiệp Phước, Long Thọ	50,91	VB số 4838/UBND-ĐT ngày 04/6/2014 của UBND huyện về việc giới thiệu địa điểm. VB 518/CV-TCT ngày 13/7/2015 vv đăng ký thuê đất của Công ty Tín Nghĩa
	7. Đất phát triển hạ tầng			
	7.1. Đất xây dựng cơ sở văn hóa			
15	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Phú Hội	1,00	Đã có quyết định thu hồi đất, đã thẩm định giá bồi thường 12/9/2017
16	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Phú Hữu	1,20	Văn bản số 2159/UBND -KT ngày 18/5/2015 của UBND huyện về việc giới thiệu địa điểm. Hiện trạng đã xây dựng xong, đang lập thủ tục giao đất
17	Trung tâm Văn hoá thể thao	Vĩnh Thanh	0,88	Thông báo số 164/TB-UBND ngày 30/8/2010 của UBND huyện về việc thu hồi đất, đang trình thẩm định phương án bồi thường
18	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH áp 2	Phú Thạnh	0,32	Văn bản số 4521/UBND-CN ngày 18/9/2015 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc giới thiệu địa điểm. Hiện trạng đã xây dựng xong, đang lập thủ tục giao đất
	7.2. Đất xây dựng cơ sở y tế			
19	Trung tâm y tế huyện	Phước An	5,00	VB 7253/UBND-CNN ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh, VB 5341/UBND-CN ngày 14/8/2017 của UBND huyện vv địa điểm đầu tư. VB 4081/SYT-KHTC ngày 17/9/2018 vv đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2019 của sở Y tế
	7.3. Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo			
20	Trường Mầm non Phú Đông	Phú Đông	1,00	Đã hoàn thành xây dựng. Đang lập thủ tục xin giao đất.
21	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Phú Hội	1,00	Đã có quyết định thu hồi đất, đã thẩm định giá bồi thường 12/9/2017
22	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Phú Thạnh	0,72	Đã xây dựng xong, đang lập thủ tục giao đất
23	Trường mầm non Long Thọ	Long Thọ	0,90	Đã có quyết định thu hồi đất
24	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	1,09	Số 8379/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thời hạn 2017-2022.
25	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	1,07	Số 8380/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thời hạn 2017-2022.
26	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	Phước Khánh	0,10	Đã hoàn thành xây dựng. Đang lập thủ tục xin giao đất.
27	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Phước Khánh	0,04	Đã hoàn thành xây dựng. Đang lập thủ tục xin giao đất.
28	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Phú Thạnh	0,31	VB số 2886/UBND-CN ngày 05/5/2017 của UBND huyện vv thỏa thuận địa điểm
29	Trường THPT Phước Thiện	Phước Thiện	2,00	VB 4994/UBND-CNN ngày 31/7/2017 vv địa điểm đầu tư xây dựng mới trường THPT Phước Thiện đạt chuẩn quốc gia

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
30	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Phú Hội	0,70	QĐ 9048/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của huyện vv giao chi tiêu ngân sách năm 2018
31	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Long Tân , Phước Thiện	126,00	VB 10704/TB-UBND ngày 9/10/2018 vv địa điểm xây dựng Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM
32	Trường mầm non Phước Long	Long Thọ	0,07	Đã XD xong trên đất công của xã, bổ sung để thực hiện giao đất
33	Trường MG-TH-THCS Đông Sài Gòn (Công ty CP Nguyên Cường)	Long Tân	2,00	QĐ chủ trương đầu tư số 2306/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh
34	Mở rộng trường TH Phú Đông	Phú Đông	0,45	QĐ 7243/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
35	Trường MN Đại Phước	Đại Phước	0,58	Hiện trạng, bổ sung để giao đất
36	Trường TH Đại Phước	Đại Phước	1,21	Hiện trạng, bổ sung để giao đất
37	Trường TH Phước Khánh	Phước Khánh	1,18	Hiện trạng, bổ sung để giao đất
38	Trường MN Phước Long	Long Thọ	0,13	Hiện trạng, bổ sung để giao đất
39	Trường MN Phú Thạnh cơ sở 2	Phú Thạnh	0,13	Hiện trạng, bổ sung để giao đất
	7.4. Đất giao thông			
40	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	149,80	TB thu hồi đất số 6170/TB-UBND ngày 2/8/2010 của UBND tỉnh
41	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Hiệp Phước	0,32	Đã có thông báo thu hồi đất, CV 550/UBND-CN ngày 25/2/2014 của UBND huyện vv BQLDA xin triển khai dự án
42	Đường vào trung tâm đo kiểm	Hiệp Phước	0,09	Thông báo thu hồi đất số 5117/UBND-CNN ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.
43	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	0,78	CV 573/CV-UBND ngày 26/2/2014 của UBND huyện vv xin chủ trương thực hiện dự án của BQLDA. UBND huyện đã phê duyệt chủ trương đầu tư năm 2015, giai đoạn 2015-2017
44	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60	Quyết định thu hồi đất tổng thể số 1364/QĐ-UBND ngày 25/4/2006 số 1427/QĐ-UBND ngày 04/06/2010, Thông báo thu hồi đất số 1387/TB-UBND ngày 02/3/2010 Thu hồi đất giai đoạn 1 là khoảng 5 ha.
45	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện (trong đó có đường số 6 GĐ 1 diện tích 1,48 ha tại Phú Hội)	Long Tân, Phú Hội	43,66	Đã được giới thiệu địa điểm của UBND tỉnh tại Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2006; Đã có thông báo thu hồi đất của UBND tỉnh tại công văn số 9371/TB-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2010. Đang lập thủ tục bồi thường
46	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Long Tân, Phú Hội	15,04	Đã được giới thiệu địa điểm của UBND tỉnh tại Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 14/11/2005; Đã có thông báo thu hồi đất của UBND tỉnh tại công văn số 6615/TB-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2010. Đang lập thủ tục bồi thường.

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
47	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	TB 84/TB-UBND ngày 20/5/2010. Đang tiến hành kiểm kê hiện trạng lập phương án bồi thường chi tiết.
48	Cầu đường Quận 9 - Nhơn Trạch (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	126,54	Đã có thông báo thu hồi đất
49	Nâng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phú Đông	6,80	Quyết định GTĐĐ số 2716/QĐ-UBND ngày 19/8/2008; Thông báo thu hồi đất số 45/TB-UBND ngày 02/01/2013,
50	Đường Phú Tân Phú Đông	Phú Đông	11,88	Quyết định thu hồi đất tổng thể số 2473/QĐ-UBND ngày 27/8/2009. Ban hành Quyết định thu hồi đất khoảng 117 hộ diện tích 10 ha. Đang kiểm kê hiện trạng lập phương án bồi thường chi tiết.
51	Mở rộng bến phà Cát Lái	Phú Hữu	0,13	Đã có quyết định thu hồi đất, xây dựng xong. Đang lập thủ tục giao đất.
52	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu	Phú Hữu	35,47	QĐ 3005/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 vv chấp thuận chủ trương đầu tư kho xăng dầu và bến chuyên dùng xăng dầu Phú Hữu của Cty Tín Nghĩa
53	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phú Hữu, Phú Đông	8,26	Thông báo thu hồi đất số 7511/TB-UBND ngày 01/10/2012 và Thông báo số 2960/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh.
54	Đường từ KCN NT V đến HL 19 (Phước An)	Phước An	20,60	GTĐĐ số 4317/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 Thông báo thu hồi đất số 9359/TB-UBND ngày 28/12/2011. Đang lập thủ tục bồi thường.
55	Đường vào KCN Ông Kèo	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44	Văn bản GTĐĐ số 3826/QĐ-UBND ngày 17/4/2006; Thông báo số 6053/TB-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh; Văn bản số 9254/UBND-CNN và số 6053/TB-UBND ngày 06/9/2011. Đang lập thủ tục bồi thường.
56	Cảng tổng hợp (Công ty Phúc Thành)	Phước Khánh	10,00	Đã được UBND tỉnh GTĐĐ 10578/UBND-ĐT ngày 5/12/2013 đến ngày 05/12/2015. Đã ban hành thông báo thu hồi đất và đang lập phương án bồi thường.
57	Dự án xây dựng đường dân sinh phục vụ xây dựng móng trụ 18 đường điện 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái tại xã Phước Khánh	Phước Khánh	0,03	Đã có quyết định thu hồi đất, đang lập hs xin giao đất
58	Đường số 3 xã Phước Thiện (769 đến KCN Nhơn Trạch 1)	Phước Thiện	5,04	Thông báo thu hồi đất số 9163/TB-UBND ngày 22/12/2011, đã thẩm định nhu cầu ngày 12/5/2017
59	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	Phước Thiện	2,28	Thông báo THĐ số 7447/TB-UBND ngày 14/9/2010 của UBND tỉnh
60	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Phước Thiện	54,00	Thông báo thu hồi đất số 6074/TB-UBND ngày 29/7/2010 và đang kiểm tra hiện trạng. Đoạn mở rộng theo Văn bản số 4020/UBND-ĐT ngày 15/5/2014 đã hoàn thành việc lập và phê duyệt phương án bồi thường. Đang chi trả tiền bồi thường.
61	Đường 25C	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội	102,70	Đã có thông báo thu hồi đất số 2728/TB-UBND ngày 9/4/2010, đã giao đất gđ 1, đã thẩm định xong giá đất bồi thường đoạn còn lại

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
62	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99	Đã có quyết định thu hồi đất, đã thẩm định xong giá đất bồi thường ngày 24/8/2018
63	ICD kho số 5	Phú Thạnh	12,23	QĐ 1440/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh vv phê duyệt mạng lưới kho cảng ICD. Đã xây dựng xong
64	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03	Đã bồi thường xong, đang lập thủ tục giao đất
65	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	7,60	QĐ 2835/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cảng nội địa Vĩnh Tân của Cty TNHH DV TM Nhơn Trạch
66	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Phước Thiện	0,43	QĐ 636/QĐ-UBND ngày 21/2/2018 vv thu hồi đất để thực hiện dự án BOT
67	Cảng Tổng hợp (Công ty Việt Thuận Thành)	Đại Phước, Phú Hữu	69,20	GCN ĐT số 1025631025 chứng nhận lần đầu ngày 30/9/2011, thay đổi lần 1 ngày 21/12/2016 do sở KHĐT cấp
68	Cảng Tổng hợp Phú Hữu (Bến 4)	Phú Hữu	40,59	Số 4743/BC-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh vv báo cáo hs cấp QĐ chủ trương đầu tư xây dựng cảng Tín Nghĩa tại xã Phú Hữu, đang trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
69	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Long Thọ	3,20	DT 34,77 ha, Đã có quyết định thu hồi 31,57 ha, còn lại 3,2 ha chưa có quyết định thu hồi, bổ sung để tiếp tục thực hiện trong năm 2018. VB 3438/UBND-ĐT ngày 9/4/2018 vv bàn giao HS dự án tuyến đường kết nối vào cảng Phước An cho BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện.
70	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Long Thọ	0,06	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
71	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Long Thọ	10	NQ158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
72	Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu- Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch	Đại Phước	0,51	QĐ 6529/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2017 vv phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật thi công công trình Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu- Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch. QĐ 2727/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
73	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Phước Khánh	14,65	QĐ 1782/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của HTX đóng tàu Xà lan
7.5. Đất thủy lợi				
74	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Ký	Hiệp Phước	0,62	Đã có thông báo thu hồi đất số 3370/TB-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2010., đã thẩm định xong giá đất bồi thường ngày 24/8/2018, QĐ 4439 về đầu tư công 2018 của UBND tỉnh ngày 11/12/2017. DT cũ 2,65 ha điều chỉnh còn lại 0,62 ha theo Vb 1215 ngày 9/10/2018 của BQL Đầu tư xây dựng tỉnh. QĐ ĐC diện tích số 1585/QĐ-UBND ngày 15/5/2017

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
75	Hệ thống thoát nước khu vực cây xanh	Phú Hội, Long Tân, Phước An	24,20	Thông báo thu hồi đất số 2588/TB-UBND ngày 07/4/2010, đã thẩm định xong giá đất bồi thường, GDD-2019 là 7,496 ha tại xã Phước An tại QĐ 309/QĐ-UBND ngày 22/1/2018 của UBND tỉnh vv phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, QĐ 4439 về đầu tư công 2018 của UBND tỉnh ngày 11/12/2017
76	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26	Đã được thỏa thuận địa điểm số 5398/UBND -ĐT ngày 19/6/2014 của UBND tỉnh
77	Nạo vét tạm kênh thoát nước cuối đường số 2	Vĩnh Thanh	3,50	Đã có quyết định thu hồi đất
78	Bờ kè sông Vàm Muong- Lòng Tàu	Phước Khánh	1,40	QĐ 2830/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh vv duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án đoạn qua ấp 2 xã Phước Khánh 0,59 ha, QĐ 4439 về đầu tư công 2018 của UBND tỉnh ngày 11/12/2017
79	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN VI	Long Thọ	2,00	VB 2691/UBND -ĐT ngày 8/4/2016 của UBND tỉnh
80	Hệ thống thoát nước dọc HL 19 từ áp 1 đến áp 3	Hiệp Phước	0,70	VB 101/CV-TCKH ngày 22/10/2018 vv đề xuất chủ trương đầu tư các công trình do BQLDA làm chủ đầu tư
81	Hệ thống thoát nước từ HL 19 đến kênh Bà Ký (2 cống áp 1 và áp 2)	Hiệp Phước	0,28	VB 101/CV-TCKH ngày 22/10/2018 vv đề xuất chủ trương đầu tư các công trình do BQLDA làm chủ đầu tư
82	Nạo vét kênh Bà Ký	Hiệp Phước	0,50	VB 101/CV-TCKH ngày 22/10/2018 vv đề xuất chủ trương đầu tư các công trình do BQLDA làm chủ đầu tư
	7.6. Đất công trình năng lượng			
83	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Hiệp Phước, Long Thọ	0,10	Đã có thông báo thu hồi đất
84	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Nhà Bè	Phước Khánh	0,14	Đã có thông báo thu hồi đất
85	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	0,10	Đã có thông báo thu hồi đất
86	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Phước Khánh	0,08	Đã có thông báo thu hồi đất
87	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ- Nhà Bè	Phước Khánh	0,20	Đã có thông báo thu hồi đất
88	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái	Phước Khánh, Vĩnh Thanh	0,18	Đã có thông báo thu hồi đất
89	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Vĩnh Thanh	0,05	Đã có thông báo thu hồi đất
90	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An	0,22	Đã có thông báo thu hồi đất

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
91	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03	Đã ra thông báo thu hồi đất
92	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Vĩnh Thanh, Phước An	0,10	Đã được thỏa thuận địa điểm số 53/UBND-CNN ngày 6/01/2016 của UBND tỉnh
93	Trạm biến áp 220KV An Phước	Hiệp Phước	0,28	Văn bản thỏa thuận vị trí xây dựng Trạm biến áp số 575/UBND-CNN ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí xây dựng Trạm biến áp 220KV An Phước
94	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30	Đã có quyết định thu hồi đất
95	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	0,12	VB 4925/PCĐN-BQLDA ngày 14/11/2016 của Điện lực ĐN; đã hoàn thành thu hồi đất, bổ sung để thực hiện công tác giao đất
96	Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Ông Kèo & đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30	VB 4924/PCĐN-BQLDA ngày 14/11/2016 của Điện lực ĐN; đã hoàn thành thu hồi đất, bổ sung để thực hiện công tác giao đất
97	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40	VB 524/ALĐMN-QLG ngày 10/9/2018 vv đăng ký chuyển tiếp nhu cầu năm 2019 của BQLDA Lưới Điện Miền nam
98	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Các xã	0,02	VB 4925/PCĐN-BQLDA ngày 14/11/2016 của Điện lực ĐN; đã hoàn thành thu hồi đất, bổ sung để thực hiện công tác giao đất
	7.7. Đất chợ			
99	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Đại Phước	3,05	Đã có quyết định thu hồi đất
	8. Đất ở			
	8.1. Khu tái định cư			
100	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	12,78	Giới thiệu địa điểm số 8200/UBND-CNN ngày 22/10/2012. Thông báo thu hồi đất số 8199/TB-UBND ngày 22/10/2012. Đang kiểm kê hiện trạng trình thẩm định phương án bồi thường chi tiết. VB số 217/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 vv điều chỉnh qh cục bộ khu TĐC Hiệp Phước 3 của UBND tỉnh
101	Khu Tái định cư Long Tân	Long Tân	21,00	Đã có thông báo thu hồi đất, VB 2941/UBND-ĐT ngày 3/4/2017 của UBND tỉnh vv gia hạn văn bản thỏa thuận lại địa điểm
102	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	Phú Hội	17,29	Đã có quyết định thu hồi đất, đã thẩm định giá bồi thường 12/9/2017
103	Khu tái định cư Phước An	Phước An	40,00	VB số 10556/UBND-CNN ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư
104	Khu tái định cư Phước Thiện	Phước Thiện	14,90	Ttr 68/TTr-UBND ngày 12/6/2017 của UBND huyện vv điều chỉnh qh xây dựng khu TĐC Phước Thiện
105	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	25,00	QĐ số 3636/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thời hạn từ 2016-2020
	8.2. Khu dân cư, chung cư			

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
106	Khu chung cư cao tầng	Long Tân, Phú Hội	1,00	TB 92/TB-UBND ngày 30/5/2011 của UBND tỉnh. Đã có quyết định thu hồi đất
107	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Nhơn Thành)	Đại Phước	2,00	VB 4212/UBND-KT ngày 3/12/2013. Đã thẩm định giá để tính tiền sử dụng đất 16/7/2018
108	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	9,60	Dự án được chấp thuận đầu tư số 2198/UBND-CN ngày 11/6/2014 của UBND huyện Nhơn Trạch, đã thẩm định xong giá đất bồi thường ngày 25/7/2018
109	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Đại Phước	130,75	QĐ 3419/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh vv phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường để thực hiện dự án. UBND huyện đã phê duyệt KH 14/KH-KĐ ngày 17/7/2017 vv kiểm đếm hiện trạng.
110	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Thảo Điền)	Đại Phước, Phú Hữu	64,13	Đã có thông báo thu hồi đất của UBND tỉnh tại Công văn số 2581/TB-UBND ngày 7/4/2010. Đã cấp giấy phép đầu tư tại quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 28/02/2013. Đang kiểm kê hiện trạng và lập phương án bồi thường.
111	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	18,33	Văn bản giới thiệu địa điểm số 6599/UBND-CNN ngày 16/8/2010 của UBND tỉnh; Thông báo thu hồi đất số 487/TB-UBND ngày 14/01/2014. Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 diện tích 13,7 ha. phần diện tích còn lại đang lập thủ tục bồi thường.
112	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	9,84	Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 với diện tích 7,24 ha; phần diện tích còn lại đang lập thủ tục bồi thường.
113	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	21,50	Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 với diện tích 19,4 ha. Đang lập thủ tục bồi thường phần diện tích còn lại.
114	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	2,70	Đã được UBND tỉnh giao đất với diện tích 0,8ha, đang lập thủ tục bồi thường phần diện tích đất còn lại.
115	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Hoàng Anh An Hòa)	Hiệp Phước	4,75	GTĐĐ 965/UBND-KT ngày 26/4/2012 của UBND tỉnh, 136/TB-UBND ngày 28/6/2012 của UBND huyện vv thông báo thu hồi đất của huyện
116	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)-Free land	Long Tân	125,00	UBND tỉnh GTĐĐ số 7918/UBND-ĐT ngày 26/8/2014. Đã có thông báo thu hồi đất, đã thẩm định xong giá bồi thường ngày 24/7/2018. QĐ giao đất đợt 1 14,07 ha theo QĐ số 3179/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh
117	Khu dân cư Long Tân Phú Hội (Công ty PVII)	Long Tân	3,45	QĐ 876/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 vv cho phép CMĐ để thực hiện dự án của UBND tỉnh
118	Khu dân cư Long Tân (1)	Long Tân	95,00	QĐ 3184/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cho Cty TNHH XD-TM-DV Điền Phước thực hiện dự án
119	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phương Đông)	Long Tân	35,00	Thông báo số 1467/TB-UBND ngày 04/3/2010. Đang lập thủ tục bồi thường.
120	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Long Tân	0,30	Đang lập thủ tục giới thiệu địa điểm và ban hành thông báo thu hồi đất.

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
121	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCom)	Long Tân, Phú Hội	55,70	Thông báo thu hồi đất số 4141/TB-UBND ngày 11/6/2012, đã tiến hành kiểm kê hiện trạng của 95 hộ dân trong dự án. Đang lập thủ tục xin giao đất.
122	Khu dân cư thương mại (Công ty Đại Viễn Dương)	Long Tân, Phú Hội	9,90	Đã hoàn thành việc kiểm kê hiện trạng. Đang xác nhận nguồn gốc đất.
123	Khu dân cư (Công ty Tiến Lộc)	Long Thọ	18,50	Đã có thông báo thu hồi đất của UBND Tỉnh tại Công văn số 5580/TB-UBND ngày 26/7/2012; đã kiểm kê hiện trạng, đang xác nhận nguồn gốc đất
124	Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Hội	9,17	Quyết định số 2652/QĐ-UBND vv điều chỉnh diện tích, ranh giới khu đất thu hồi tại Điều 1, Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai. Đã kiểm kê hiện trạng lập phương án bồi thường.
125	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Gia)	Phú Hữu	56,00	Đã có thông báo thu hồi đất 1285/TB-UBND ngày 26/2/2010; được chấp thuận chủ trương đầu tư tại VB 9723/UBND-CNN ngày 12/11/2013, đã thẩm định xong giá bồi thường ngày 24/8/2018
126	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	90,00	Thông báo thu hồi đất số 7446/TB-UBND ngày 14/9/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai. Đang lập phương án bồi thường chi tiết.
127	Trung tâm HCVHTT kết hợp chợ, phố chợ (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	48,18	Đã được thỏa thuận địa điểm tại công văn số 4052/UBND-KT ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai. Đang lập thủ tục xin chuyển mục đích.
128	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	753,00	Thông báo thu hồi đất số 7446/TB-UBND ngày 14/9/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai. Đang lập phương án bồi thường chi tiết.
129	Khu dân cư Phước An (Công ty lắp máy Điện nước)	Phước An	40,00	GTĐĐ số 5418/UBND-CNN ngày 10/7/2009; thông báo thu hồi đất số 2374/TB-UBND ngày 31/3/2010, đang tiến hành kiểm tra hiện trạng lập phương án bồi thường
130	Khu dân cư Phước An (Công ty Đệ Tam)	Phước An	47,39	Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 10/02/2010 của UBND tỉnh về việc giao đất thực hiện xây dựng khu dân cư 36,99 ha. Đang lập phương án bồi thường phần diện tích còn lại 10,39ha.
131	Khu dân cư Phước An (Công ty HUD)	Phước An, Long Thọ	50,00	GTĐĐ số 5418/UBND-CNN ngày 10/7/2009, đang tiến hành kiểm tra hiện trạng lập phương án bồi thường.
132	Khu dân cư xã Phước Thiện (Công ty Hoàng Trạch)	Phước Thiện	12,00	TB 2620/TB-UBND ngày 19/4/2011 vv TB THĐ, Đã có quyết định thu hồi đất
133	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Licogi và Hiệp Phước Khánh)	Phước Thiện	35,00	Đã có TB THĐ số 9172/TB-UBND ngày 09/11/2009 đã lập phương án bồi thường
134	Khu dân cư Phước Thiện (Công ty Toàn Thành)	Phước Thiện	43,48	Thỏa thuận địa điểm số 394/UBND-KT ngày 13/2/2014 của UBND huyện. Đã có thông báo thu hồi đất
135	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1) (Công ty Thảo Điền)	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	Đã có thông báo thu hồi đất số 899/TB-UBND ngày 04/2/2010 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
136	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Đại Phước	4,50	Gia hạn GTĐĐ số 1379/UBND-CN ngày 28/3/2016 của UBND huyện, đang trình thẩm định để ban hành giá bồi thường
137	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Long Tân	9,50	GTĐĐ 6672/UBND-ĐT ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh, đã ban hành thông báo thu hồi đất
138	Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trạch Nhơn Trạch làm chủ đầu tư	Phú Hội	8,00	Đã có quyết định thu hồi đất cá nhân ngày 01/12/2013 dt 3,03 ha, còn lại chủ đầu tư tự thỏa thuận
139	Khu dân cư xã Phước Thiện do Công ty TNHH Hương Nga làm chủ đầu tư	Phước Thiện	4,87	QĐ 1634/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 vv chuyển mục đích của UBND tỉnh
140	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	88,41	VB 5444/UBND-ĐT ngày 8/6/2017 của UBND tỉnh vv thỏa thuận lại địa điểm đất tư dự án KDC đô thị
141	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	34,19	VB 12812/UBND-ĐT ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh vv địa điểm đầu tư dự án KDC đô thị tại xã Long Tân của công ty Đầu tư BĐS Sao Mai; VB 5236/UBND-ĐT vv thỏa thuận địa điểm đầu tư, đã ban hành thông báo thu hồi đất
142	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Phú Hội	6,45	QĐ 876/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 vv cho phép CMĐ để thực hiện dự án của UBND tỉnh
143	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Phú Đông	3,29	- Văn bản thỏa thuận địa điểm số 1371/UBND-CN ngày 07/3/2017 của UBND Nhơn Trạch (mở rộng từ khu 1,96 ha)
144	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	34,04	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án
145	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	8,16	Đã được thỏa thuận địa điểm số 6280/UBND-ĐT ngày 22/7/2016 của tỉnh, đã thẩm định xong giá bồi thường, đã ban hành thông báo thu hồi đất
146	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Phước Thiện	9,90	Đã được thỏa thuận địa điểm năm 2017, VB 4628/UBND -CN ngày 13/7/2017 của UBND huyện vv điều chỉnh ranh giới, diện tích dự án KDC công ty Minh Khang
147	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	331,00	VB số 1310/TTg-CN ngày 01/9/2017 vv chủ trương đầu tư dự án của Thủ tướng chính phủ
148	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	70,00	GTĐĐ 6768/UBND-ĐT ngày 25/8/2015. Đang lập thủ tục bồi thường
149	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Phước Thiện	8,20	VB 5847/UBND-ĐT ngày 16/6/2017 vv thỏa thuận địa điểm của UBND tỉnh
150	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	2,00	Đã được thỏa thuận địa điểm năm 2017, VB 4628/UBND -CN ngày 13/7/2017 của UBND huyện vv điều chỉnh ranh giới, diện tích dự án KDC công ty Minh Khang
151	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Phước Thiện, Phú Hội	16,27	VB 12811/UBND-ĐT ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh vv thỏa thuận địa điểm đầu tư dự án khu dân cư tại Phước Thiện, Phú Hội

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
152	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Vĩnh Thanh	46,09	VB 6331/UBND-ĐT ngày 30/6/2017 vv thỏa thuận địa điểm đầu tư dự án của UBND tỉnh
153	Khu nhà ở công nhân KCN I	Phước Thiện	10,00	VB 2250/Ttg-KTN ngày 14/12/2016 của thủ tướng vv điều chỉnh giảm diện tích KCN I
154	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Phước Thiện	3,30	Số 59/TLBD vv thỏa thuận địa điểm; VB 04/VB-ĐÓG ngày 13/9/2018 vv đăng ký nhu cầu sử dụng đất
155	Dự án khu dân cư Công ty Nhon Thành	Phước An	36,87	VB 464/TB-UBND ngày 05/7/2018vv thông qua QHCXD 1/500 dự án KDC Phước An (Công ty Nhon Thành), đã giao đất một phần
156	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Long Tân, Phước An	40,95	QĐ896 ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh vv giao đất. Đã ban hành quyết định thu hồi đất cá nhân, đang tiến hành lập lại phương án bồi thường. Đã thỏa thuận được 11,5 ha. Bổ sung để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.
157	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Đại Phước	55,33	QĐ Số 3668/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 vv điều chỉnh tổng thể QH chi tiết XD khu đô thị DLST Six Sences Sài Gòn River tại xã Đại Phước, đã CMTĐ đợt 1 năm 2009 là 32,58 ha theo QĐ số 3885 ngày 28/12/2009
158	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Long Tân	35,30	QĐ 4425/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
159	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành)	Phú Hội	7,06	QĐ 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011vv phê duyệt QHCT 1/500 khu dân cư; VB 822/VKT-QLDA ngày 7/8/2018 vv đăng ký KH sử dụng đất năm 2019
160	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Vĩnh Thanh	6,62	QĐ 3727/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư dự án của DNTN Vạn Thịnh Phong
161	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Phước Thiện	13,00	QĐ 3136/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 vv Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dân cư cho công ty CPĐT Địa ốc Khang An của UBND tỉnh Đồng Nai
162	Khu dân cư đô thị	Long Tân	28,50	QĐ 409/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án KDC theo quy hoạch cho cty TNHH Địa ốc Mỹ Thịnh
163	Khu dân cư thương mại đô thị mới	Long Tân, Phú Hội	22,37	QĐ 2882/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cho công ty TNHH Địa ốc Chợ Lớn
164	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Tân	33,92	QĐ số 900/UBND-CNN ngày 04/2/2012 của UBND tỉnh vv chấp thuận về chủ trương đầu tư cho công ty Nhà Thẻ Kỹ, QĐ 2363/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện vv phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, đã bồi thường xong 20 ha
165	KDC Phú Đông Riverside	Phú Đông	2,35	QĐ 268/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với công ty TNHH BĐS Long Đức
166	KDC đô thị Lành Mạnh	Vĩnh Thanh	29,60	QĐ 2881/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với công ty TNHH BĐS Lành Mạnh

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
167	KDC Vĩnh Thanh (Công ty CPĐT Donal)	Vĩnh Thanh	2,75	QĐ 2591/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư KDC cho cty CPĐT Donal
168	KDC theo quy hoạch	Long Thọ	3,85	QĐ 3182/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với Cty CP Thiết kế Xây dựng và Đầu tư BĐS Danh Tiếng
169	Khu dân cư theo quy hoạch (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Long Tân	7,77	NQ 11 - Liên danh 3 công ty
170	Khu dân cư tại xã Phú Hội (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Phú Hội	12,97	NQ 11 - Liên danh 3 công ty
171	Khu dân cư đô thị theo Quy hoạch	Phú Hội	18,50	NQ 11 - Liên danh 3 công ty
172	Khu dân cư tại xã Phước Thiện (Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Phúc Tiến)	Phước Thiện	39,15	NQ11- Phúc Tiến
173	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Mai-Archi)	Long Tân	19,67	NQ11-Mai Archi
	9. Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
174	Nhà kho lưu trữ chuyên dụng (Phòng nội vụ)	Phú Hội	0,56	Văn bản GTĐĐ 1541/UBND-KT ngày 16/8/2010 của UBND huyện; Thông báo thu hồi đất số 164/TB-UBND ngày 30/8/2010. Đã phê duyệt phương án bồi thường. Đang chi trả tiền bồi thường.
175	Đội thanh tra giao thông số 8	Phú Hội	0,20	Đã hoàn thành thủ tục thu hồi đất, bổ sung để thực hiện công tác giao đất
	10. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
	11. Đất sinh hoạt cộng đồng			
176	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Phú Hội	0,04	Phục vụ nhu cầu nông thôn mới của xã
177	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Chợ	Phước Thiện	0,03	Đã hoàn thành việc xây dựng đang lập thủ tục xin giao đất.
	12. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			
	13. Đất cơ sở tôn giáo			
178	Chùa Long Hương (mở rộng)	Long Tân	1,76	Đã có thông báo thu hồi đất
179	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Vĩnh Thanh	0,02	Văn bản số 6711/UBND-CNN ngày 24/8/2014 của UBND tỉnh về việc xử lý việc Giáo xứ Nghĩa Hiệp đề nghị giao đất tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch.
180	Giáo xứ Mỹ Hội (khu nhà từ thiện)	Phú Hội	0,20	VB 653/BTG-TCHC ngày 21/9/2017 của Ban Tôn giáo

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
181	Hộ đạo Cao đài Đại Phước	Phú Hữu	0,04	VB 653/BTG-TCHC ngày 21/9/2017 của Ban Tôn giáo, đang lập thủ tục thu hồi
182	Hộ đạo Long Tân	Long Tân	0,10	VB 305/BTG-TCHC ngày 4/5/2018 của Sở Nội vụ vv cập nhật KH 2018
183	Thiền viện Hương Nghiêm	Phú Đông	0,54	7628/UBND-CNN ngày 19/8/2014
184	Chùa Pháp Thường (mở rộng)	Phú Đông	3,90	3216/UBND-CNN ngày 08/5/2014
185	Giáo xứ Nghĩa Mỹ	Vĩnh Thanh	0,63	182/GCN-BTG ngày 29/9/2009 của Ban Tôn giáo tỉnh
186	Tịnh thất Huyền Trang	Long Thọ	0,05	122/GCN-BTG ngày 18/8/2009
187	Tịnh thất Phước Quang	Phú Hội	0,05	28/GCN-BTG ngày 06/05/2012
188	Chùa Khánh Lâm	Phú Thạnh	0,25	125/GCN-BTG ngày 18/08/2009
	14. Đất sinh hoạt cộng đồng			
189	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Long Tân	0,05	QĐ5050/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND huyện vv phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật
190	Nhà Văn hóa Hòa Bình xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	0,04	TB 1200/TB-THĐ ngày 17/10/2016 của UBND huyện vv thu hồi đất để thực hiện dự án
191	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Vĩnh Thanh	0,05	TB 1202/TB-THĐ ngày 17/10/2016 của UBND huyện vv thu hồi đất để thực hiện dự án
192	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Vĩnh Thanh	0,03	TB 1201/TB-THĐ ngày 17/10/2016 của UBND huyện vv thu hồi đất để thực hiện dự án
	15. Khu đất đấu giá			
193	Khu dân cư theo quy hoạch	Phước An	64,00	VB 899/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 18/7/2007 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2017; BC 230/BC-UBND ngày 17/7/2017 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Phước An
194	Khu đất Lâm nghiệp Sài Gòn	Phước An, Long Thọ, Hiệp Phước, Long Tân	245,58	DS thừa đất do TTPTQĐ tỉnh cung cấp
II	Các dự án bổ sung năm 2021			
	1. Đất thương mại dịch vụ			
1	Trạm xăng dầu (Gia Nguyễn Minh)	Long Tân	1,53	QĐ 1731/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chi nhánh trạm xăng dầu Gia Nguyễn Minh (phía bắc)
	2. Đất cơ sở hạ tầng			
	2.1. Đất giao thông			
2	Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	Phú Thạnh	4,50	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cảng bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh
	2.2. Đất thủy lợi			
	2.3. Đất công trình năng lượng			

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
3	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	Hiệp Phước	0,14	Văn bản số 1214/UBND-CNN ngày 29/01//2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
4	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đấu nối	Phú Hội	4,50	Văn bản số 13032/UBND-KTN ngày 11/11/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
5	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	0,13	Văn bản số 15045/UBND-CNN ngày 27/02//2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
6	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	1,20	Văn bản số 9418/UBND-KTN ngày 14/8/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
7	DZ 220kV đấu nối NMĐ Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	4,00	Văn bản số 9419/UBND-KTN ngày 14/8/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
3. Đất ở nông thôn				
8	Khu dân cư Phú Hữu	Phú Hữu	201,45	- Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư '- Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư tại xã Phú Hữu.
9	Khu dân cư theo QH (An Gia)	Phú Hữu	4,52	Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
10	Khu dân cư Điền Phước	Long Tân	95,20	Quyết định chủ trương đầu tư số 3184/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai
11	Khu dân cư và cây xanh kết hợp dịch vụ giải trí tại xã Phú Đông	Phú Đông	4,90	Quyết định chủ trương đầu tư số 939/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
12	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	Phước Thiện	52,93	VB 34/CV ngày 04/11/2020 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Sài Gòn đăng ký nhu cầu để thực hiện thủ tục giao đất phần còn lại
13	Khu đô thị ASIA Phước An	Phước An	29,00	QĐ 2453/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án
14	Khu dân cư tổng hợp - kết hợp TMDV phát triển theo QH (BDS Phú Mỹ An)	Phú Hội	16,14	QĐ 1559/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
15	Khu dân cư thương mại tại xã Phú Hội (Bitexco)	Phú Hội	6,65	QĐ 2184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 vv cho phép tập đoàn Bitexco tiếp tục thực hiện dự án
III.	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình cá nhân phù hợp với quy hoạch		52,00	
1	Đất trồng lúa (1 và 2 vụ) sang đất trồng cây lâu năm	Các, thị trấn	15,00	nhu cầu địa phương
2	Đất nông nghiệp chuyển sang đất ở	Các, thị trấn	26,00	nhu cầu địa phương

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Cơ sở pháp lý
3	Đất trồng lúa (1 và 2 vụ) sang đất ở	Các, thị trấn	6,00	nhu cầu địa phương
4	Đất trồng lúa chuyển sang đất thương mại dịch vụ	Các, thị trấn	5,00	nhu cầu địa phương

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHÔNG ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH 2021 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký kế hoạch	Ghi chú
1	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Phước An	82,00	2015	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
2	Trụ sở Quỹ tín dụng Vạn điểm	Phước Thiện	0,01	2018	Hủy do không còn nhu cầu
3	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00	2015	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
4	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00	2015	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
5	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Phước An	2,12	2018	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015, 2016, 2017, 2018 NAY KHÔNG ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH 2021 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký kế hoạch	Ghi chú
1	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Phước An	82,00	2015	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
2	Trụ sở Quỹ tín dụng Vạn điểm	Phước Thiện	0,01	2018	Hủy do không còn nhu cầu
3	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00	2015	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
4	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00	2015	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
5	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Phước An	2,12	2018	Hủy do đã hủy thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2021 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
			Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ
1	Đất nông nghiệp	19.086,34	151,12	420,78	1.435,81	998,87
1.1	Đất trồng lúa	2.062,22	0,29	172,92	425,68	10,73
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.919,99	-	172,92	425,68	10,73
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.438,41	82,04	44,30	300,25	213,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	6.723,00	32,37	202,56	643,46	473,46
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.168,80	-	-	-	139,99
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.689,69	36,42	0,16	66,42	158,02
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	-	0,84	-	2,91
2	Đất phi nông nghiệp	18.591,57	1.507,43	1.454,20	2.134,56	1.382,75
2.1	Đất quốc phòng	590,01	6,87	18,29	-	-
2.2	Đất an ninh	14,45	-	-	2,72	-
2.3	Đất khu công nghiệp	3.309,80	-	977,61	82,23	614,84
2.5	Đất cụm công nghiệp	91,43	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	542,80	187,61	0,56	55,10	2,20
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	176,21	-	0,59	2,24	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.761,19	251,10	179,16	555,18	248,86
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	74,60	0,24	1,36	27,51	2,37
	- Đất cơ sở y tế	22,56	5,24	0,34	3,85	0,10
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	306,19	8,24	7,07	100,03	25,75
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	31,24	-	-	8,05	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	-	-	-	5,99
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	3.707,79	373,79	17,60	901,22	243,76
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	231,65	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,60	0,22	0,22	1,53	0,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	38,00	6,27	0,68	10,16	15,17
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,94	2,00	1,49	2,80	1,64
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	90,32	0,94	6,30	1,63	39,96
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	2,74	-	-	-	0,42
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4,09	0,09	0,11	0,23	2,10
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	320,53	158,86	5,38	74,50	3,98
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,40	0,28	2,41	1,00	2,34
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.595,57	485,87	12,15	444,02	201,20
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	36,28	33,53	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2021 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
			Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông
1	Đất nông nghiệp	19.086,34	7.066,76	2.266,58	672,44	1.520,46
1.1	Đất trồng lúa	2.062,22	17,33	10,12	374,69	426,49
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.919,99	17,33	10,12	374,69	311,55
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.438,41	305,19	1.182,66	190,86	797,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	6.723,00	1.696,11	1.054,48	84,14	283,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.168,80	4.028,81	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.689,69	1.019,32	19,32	22,75	12,87
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	-	-	-	0,22
2	Đất phi nông nghiệp	18.591,57	4.298,23	1.490,11	1.029,57	691,52
2.1	Đất quốc phòng	590,01	72,04	1,20	-	38,41
2.2	Đất an ninh	14,45	1,00	2,92	1,94	-
2.3	Đất khu công nghiệp	3.309,80	366,99	504,15	275,88	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	91,43	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	542,80	235,11	5,96	0,62	0,55
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	176,21	1,51	83,04	14,90	45,99
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.761,19	701,39	231,57	303,94	85,37
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	74,60	6,88	0,39	1,00	0,62
	- Đất cơ sở y tế	22,56	8,72	0,10	0,14	0,16
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	306,19	14,63	3,66	86,28	4,87
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	31,24	9,17	-	2,11	1,22
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	-	-	-	1,66
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	-	0,04	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	3.707,79	460,64	73,61	311,80	83,51
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,60	3,76	0,26	0,82	0,69
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	38,00	1,28	-	0,25	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,94	0,94	0,79	0,91	4,99
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	90,32	9,46	3,20	3,08	2,63
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	2,74	2,32	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4,09	0,24	0,04	0,35	0,13
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	320,53	1,25	0,88	1,85	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,40	3,10	0,40	1,85	0,74
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.595,57	2.437,20	579,30	111,38	426,85
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	36,28	-	2,75	-	-
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2021 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
			Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thanh
1	Đất nông nghiệp	19.086,34	866,49	841,92	200,55	2.644,56
1.1	Đất trồng lúa	2.062,22	110,43	138,39	-	375,15
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.919,99	84,63	137,23	-	375,11
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.438,41	540,77	118,23	4,97	658,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	6.723,00	180,36	561,95	158,80	1.351,53
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.168,80	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.689,69	34,93	23,35	36,76	259,37
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,22	-	-	0,02	0,23
2	Đất phi nông nghiệp	18.591,57	1.307,21	1.064,80	1.549,99	681,20
2.1	Đất quốc phòng	590,01	5,28	0,88	439,38	7,66
2.2	Đất an ninh	14,45	-	5,87	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	3.309,80	-	488,10	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	91,43	-	-	76,06	15,37
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	542,80	14,55	3,32	31,66	5,56
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	176,21	23,96	1,08	2,90	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.761,19	310,45	249,15	335,92	309,10
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	74,60	1,22	1,14	31,87	-
	- Đất cơ sở y tế	22,56	2,57	1,16	0,05	0,13
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	306,19	11,04	14,99	23,70	5,93
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	31,24	1,95	0,55	8,19	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	-	0,08	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	3.707,79	230,17	244,59	546,72	220,38
2.14	Đất ở tại đô thị	231,65	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,60	0,44	6,35	4,51	0,51
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	38,00	1,69	2,20	0,30	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	34,94	0,30	3,26	0,67	15,15
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	90,32	0,94	4,91	2,20	15,07
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	2,74	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4,09	0,16	0,18	0,11	0,35
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	320,53	-	12,39	58,40	3,04
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,40	0,77	1,72	1,15	0,64
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.595,57	718,50	40,72	50,01	88,37
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	36,28	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2021 PHẢI XIN PHÉP CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
			Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	4.111,35	202,51	43,30	983,46	55,78	817,85	274,69	351,95	33,13	433,72	237,61	493,95	183,40
1.1	Đất trồng lúa	1.558,11	106,91	11,47	577,43	23,96	89,49	112,83	263,78	13,98	276,65	2,30	16,20	63,11
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.525,42</i>	<i>106,14</i>	<i>11,47</i>	<i>577,43</i>	<i>23,96</i>	<i>65,86</i>	<i>112,51</i>	<i>263,78</i>	<i>6,46</i>	<i>276,65</i>	<i>2,30</i>	<i>15,75</i>	<i>63,11</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	748,63	5,58	7,76	95,61	4,29	194,69	78,01	11,96	5,62	29,76	64,23	190,03	61,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.428,65	81,13	24,02	198,70	27,53	332,14	79,22	70,71	9,52	106,18	171,08	274,27	54,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	104,94	-	-	-	-	104,94	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	271,03	8,89	0,05	111,72	-	96,59	4,63	5,50	4,01	21,13	-	13,45	5,06
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	15,00	0,50	0,50	-	2,00	1,00	3,00	-	2,50	2,50	-	-	3,00
	<i>Trong đó:</i>													
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	15,00	0,50	0,50	-	2,00	1,00	3,00	-	2,50	2,50	-	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	491,04	45,92	17,19	79,72	5,19	140,41	79,81	46,73	4,44	46,67	5,56	10,09	9,31

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2021 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
			Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ
1	Đất nông nghiệp	3.928,08	202,41	91,51	921,03	38,78
1.1	Đất trồng lúa	1.403,45	106,91	10,97	543,43	8,26
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.370,76	106,14	10,97	543,43	8,26
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	743,72	5,53	27,76	86,08	6,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.338,13	81,08	52,73	183,00	24,52
1.4	Đất rừng phòng hộ	104,94	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	337,84	8,89	0,05	108,52	-
2	Đất phi nông nghiệp	457,64	18,27	1,25	78,71	5,32
2.1	Đất quốc phòng	-	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	-	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	10,00	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	47,88	-	-	-	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7,35	-	0,01	4,34	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	128,79	1	0	5	1
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	-	-	-	-	-
	- Đất cơ sở y tế	0,06	-	-	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,29	-	-	0,02	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,22	-	-	-	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	33,72	4,93	0,58	2,35	0,13
2.14	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	-	-	-	-	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	10,08	0,70	-	0,33	4,65
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,62	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	-	-	-	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,03	0,03	-	-	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	208,13	11,69	0,34	66,22	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	11,04	-	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2021 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
			Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông
1	Đất nông nghiệp	3.928,08	855,71	249,27	257,58	33,13
1.1	Đất trồng lúa	1.403,45	89,00	99,33	187,04	13,98
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.370,76	65,37	99,01	187,04	6,46
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	743,72	200,54	74,47	7,56	5,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.338,13	286,31	70,84	59,44	9,52
1.4	Đất rừng phòng hộ	104,94	104,94	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	337,84	174,92	4,63	3,54	4,01
2	Đất phi nông nghiệp	457,64	148,18	82,22	41,33	5,16
2.1	Đất quốc phòng	-	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	-	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	10,00	-	-	10,00	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	47,88	47,88	-	-	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7,35	-	1,67	-	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	128,79	38	65	1	0
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>- Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	-	-	-	-	-
	<i>- Đất cơ sở y tế</i>	0,06	-	-	-	0,06
	<i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	0,29	-	-	-	-
	<i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	0,22	0,22	-	-	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	33,72	8,14	2,41	3,72	0,72
2.14	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	-	-	-	-	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	10,08	0,42	0,55	0,13	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,62	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	-	-	-	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,03	-	-	-	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	208,13	42,34	12,11	26,13	4,35
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	11,04	11,04	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2021 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
			Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp	3.928,08	402,11	212,16	481,72	182,67
1.1	Đất trồng lúa	1.403,45	262,92	2,30	16,20	63,11
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.370,76	262,92	2,30	15,75	63,11
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	743,72	26,70	57,71	185,29	60,46
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.338,13	95,71	152,15	268,79	54,05
1.4	Đất rừng phòng hộ	104,94	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	337,84	16,78	-	11,44	5,06
2	Đất phi nông nghiệp	457,64	48,61	6,18	12,48	9,93
2.1	Đất quốc phòng	-	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	-	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	10,00	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	47,88	-	-	-	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7,35	-	1,21	-	0,12
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	128,79	2	4	9	1
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	-	-	-	-	-
	- Đất cơ sở y tế	0,06	-	-	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,29	0,05	0,22	-	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,22	-	-	-	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	33,72	5,11	0,62	2,39	2,62
2.14	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	-	-	-	-	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	10,08	1,92	0,09	0,64	0,65
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,62	-	0,62	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	-	-	-	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,03	-	-	-	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	208,13	39,58	-	0,12	5,25
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	11,04	-	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
I. Dự án thu hồi theo Điều 61 - Luật đất đai 2013			
1	Chốt dân quân thường trực KCN	Phước Khánh	0,20
2	Trung tâm sát hạch lái xe (tổng cục Cảnh sát)	Phú Hội, Long Tân	5,00
3	Trụ sở phòng Cảnh sát PCCC trên sông	Phước Khánh	1,00
II. Dự án thu hồi theo khoản 2 Điều 62 - Luật đất đai 2013			
4	Khu công nghiệp Ông Kèo	Phước Khánh	200,00
5	Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI	Long Thọ	20,00
6	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99
III. Dự án thu hồi theo khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013			
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương			
7	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
8	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Phú Hữu	1,20
9	Trung tâm Văn hoá thể thao	Vĩnh Thanh	0,88
10	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH áp 2	Phú Thạnh	0,32
11	Trung tâm y tế huyện	Phước An	5,00
12	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
13	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Phú Thạnh	0,72
14	Trường mầm non Long Thọ	Long Thọ	0,90
15	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	1,09
16	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	1,07
17	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Phú Thạnh	0,31
18	Trường THPT Phước Thiện	Phước Thiện	2,00
19	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Phú Hội	0,70
20	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Long Tân , Phước Thiện	126,00
21	Trường MG-TH-THCS Đông Sài Gòn (Công ty CP Nguyên Cường)	Long Tân	2,00
22	Mở rộng trường TH Phú Đông	Phú Đông	0,45
23	Nhà kho lưu trữ chuyên dụng (Phòng nội vụ)	Phú Hội	0,56

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
	b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải		
24	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	149,80
25	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Hiệp Phước	0,32
26	Đường vào trung tâm đo kiểm	Hiệp Phước	0,09
27	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	0,78
28	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60
29	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện (trong đó có đường số 6 GD 1 diện tích 1,48 ha tại Phú Hội)	Long Tân, Phú Hội	43,66
30	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Long Tân, Phú Hội	15,04
31	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69
32	Cầu đường Quận 9 - Nhơn Trạch (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	126,54
33	Nâng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phú Đông	6,80
34	Đường Phú Tân Phú Đông	Phú Đông	11,88
35	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu	Phú Hữu	35,47
36	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phú Hữu, Phú Đông	8,26
37	Đường từ KCN NT V đến HL 19 (Phước An)	Phước An	20,60
38	Đường vào KCN Ông Kèo	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44
39	Cảng tổng hợp (Công ty Phúc Thành)	Phước Khánh	10,00
40	Đường số 3 xã Phước Thiện (769 đến KCN Nhơn Trạch 1)	Phước Thiện	5,04
41	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	Phước Thiện	2,28
42	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Phước Thiện	54,00
43	Đường 25C	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội	102,70
44	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99
45	ICD kho số 5	Phú Thạnh	12,23
46	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
47	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	7,60
48	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Phước Thiện	0,43
49	Cảng Tổng hợp (Công ty Việt Thuận Thành)	Đại Phước, Phú Hữu	69,20
50	Cảng Tổng hợp Phú Hữu (Bến 4)	Phú Hữu	40,59
51	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Long Thọ	3,20
52	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Long Thọ	0,06
53	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Long Thọ	10
54	Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu- Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch	Đại Phước	0,51
55	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Phước Khánh	14,65
56	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Kỳ	Hiệp Phước	0,62
57	Hệ thống thoát nước khu vực cây xanh	Phú Hội, Long Tân, Phước An	24,20
58	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26
59	Nạo vét tạm kênh thoát nước cuối đường số 2	Vĩnh Thanh	3,50
60	Bờ kè sông Vàm Muông- Lòng Tàu	Phước Khánh	1,40
61	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN VI	Long Thọ	2,00
62	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Hiệp Phước, Long Thọ	0,10
63	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Nhà Bè	Phước Khánh	0,14
64	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	0,10
65	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Phước Khánh	0,08
66	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ- Nhà Bè	Phước Khánh	0,20
67	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái	Phước Khánh, Vĩnh Thanh	0,18
68	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Vĩnh Thanh	0,05
69	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An	0,22
70	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03
71	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Vĩnh Thanh, Phước An	0,10
72	Trạm biến áp 220KV An Phước	Hiệp Phước	0,28
73	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
74	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	0,12
75	Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Ông Kèo & đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
76	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh, Phước An	0,40
77	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Các xã	0,02
78	Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	Phú Thạnh	4,50
79	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	Hiệp Phước	0,14
80	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đấu nối	Phú Hội	4,50
81	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh	0,13
82	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	1,20
83	DZ 220kV đấu nối NMD Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	Phước Khánh, Vĩnh Thạnh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	4,00
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			
84	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Đại Phước	3,05
85	Chùa Long Hương (mở rộng)	Long Tân	1,76
86	Giáo xứ Mỹ Hội (khu nhà từ thiện)	Phú Hội	0,20
87	Họ đạo Cao đài Đại Phước	Phú Hữu	0,04
88	Họ đạo Long Tân	Long Tân	0,10
89	Nhà Văn hóa Hòa Bình xã Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	0,04
90	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Vĩnh Thạnh	0,05
91	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Vĩnh Thạnh	0,03
92	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	12,78
93	Khu Tái định cư Long Tân	Long Tân	21,00
94	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	Phú Hội	17,29
95	Khu tái định cư Phước An	Phước An	40,00
96	Khu tái định cư Phước Thiện	Phước Thiện	14,90
97	Khu tái định cư Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	25,00
98	Khu chung cư cao tầng	Long Tân, Phú Hội	1,00
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			
99	Trồng rừng kết hợp tạo cảnh quan sinh thái	Phước An	27,90

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
100	Cụm tiêu thụ Công nghiệp	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	4,00
101	Khu dịch vụ cảng (Tập đoàn Dầu khí)	Phước An	550,00
102	Khu trung tâm thương mại	Hiệp Phước, Long Thọ	50,91
103	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Nhơn Thành)	Đại Phước	2,00
104	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	9,60
105	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Đại Phước	130,75
106	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Thảo Điền)	Đại Phước, Phú Hữu	64,13
107	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	18,33
108	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	9,84
109	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	21,50
110	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	2,70
111	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Hoàng Anh An Hòa)	Hiệp Phước	4,75
112	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)-Free land	Long Tân	125,00
113	Khu dân cư Long Tân Phú Hội (Công ty PVII)	Long Tân	3,45
114	Khu dân cư Long Tân (1)	Long Tân	95,00
115	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phương Đông)	Long Tân	35,00
116	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Long Tân	0,30
117	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCom)	Long Tân, Phú Hội	55,70
118	Khu dân cư thương mại (Công ty Đại Viễn Dương)	Long Tân, Phú Hội	9,90
119	Khu dân cư (Công ty Tiến Lộc)	Long Thọ	18,50
120	Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Hội	9,17
121	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Gia)	Phú Hữu	56,00
122	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	90,00
123	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	753,00
124	Khu dân cư Phước An (Công ty lắp máy Điện nước)	Phước An	40,00
125	Khu dân cư Phước An (Công ty Đệ Tam)	Phước An	47,39
126	Khu dân cư Phước An (Công ty HUD)	Phước An, Long Thọ	50,00
127	Khu dân cư xã Phước Thiện (Công ty Hoàng Trạch)	Phước Thiện	12,00
128	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Licogi và Hiệp Phước Khánh)	Phước Thiện	35,00

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
129	Khu dân cư Phước Thiện (Công ty Toàn Thành)	Phước Thiện	43,48
130	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1) (Công ty Thảo Điền)	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00
131	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Đại Phước	4,50
132	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Long Tân	9,50
133	Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trạch Nhơn Trạch làm chủ đầu tư	Phú Hội	8,00
134	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	88,41
135	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	34,19
136	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Phú Đông	3,29
137	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	34,04
138	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	8,16
139	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Phước Thiện	9,90
140	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	331,00
141	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	70,00
142	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Phước Thiện	8,20
143	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	2,00
144	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Phước Thiện, Phú Hội	16,27
145	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Vĩnh Thanh	46,09
146	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Phước Thiện	3,30
147	Dự án khu dân cư Công ty Nhơn Thành	Phước An	36,87
148	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Long Tân, Phước An	40,95
149	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Đại Phước	55,33
150	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Long Tân	35,30
151	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành)	Phú Hội	7,06
152	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Vĩnh Thanh	6,62
153	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Phước Thiện	13,00
154	Khu dân cư đô thị	Long Tân	28,50
155	Khu dân cư thương mại đô thị mới	Long Tân, Phú Hội	22,37
156	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Tân	33,92
157	KDC Phú Đông Riverside	Phú Đông	2,35
158	KDC đô thị Lành Mạnh	Vĩnh Thanh	29,60

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
159	KDC Vĩnh Thanh (Công ty CPĐT Donal)	Vĩnh Thanh	2,75
160	KDC theo quy hoạch	Long Thọ	3,85
161	Khu dân cư Phú Hữu	Phú Hữu	201,45
162	Khu dân cư Điền Phước	Long Tân	95,20

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2021 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:	
				Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ
	1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên.				
1	Khu công nghiệp Ông Kèo	Phước Khánh	200,00	54,00	
2	Khu dịch vụ cảng	Phước An	550,00	73,38	100,97
3	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Long Tân , Phước Thiện	126,00	97,51	
4	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99	79,52	3,97
5	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	149,80	18,48	
6	Cầu đường Quận 9 - Nhơn Trạch (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	126,54	29,91	
7	Đường vào KCN Ông Kèo	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44	28,13	
8	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu	Phú Hữu	35,47	13,67	
9	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Thảo Điền)	Đại Phước, Phú Hữu	64,13	36,24	
10	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)-Free land	Long Tân	125,00	61,81	
11	Khu dân cư Long Tân (1)	Long Tân	95,00	33,31	
12	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phương Đông)	Long Tân	35,00	10,89	
13	Khu dân cư (Công ty Tiến Lộc)	Long Thọ	18,50	15,70	
14	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Gia)	Phú Hữu	56,00	39,27	
15	Khu dân cư xã Phước Thiện (Công ty Hoàng Trạch)	Phước Thiện	12,00	10,97	
16	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Licogi và Hiệp Phước Khánh)	Phước Thiện	35,00	21,42	
17	Khu dân cư Phước Thiện (Công ty Toàn Thành)	Phước Thiện	43,48	36,50	
18	Cảng Tổng hợp (Công ty Việt Thuận Thành)	Đại Phước, Phú Hữu	69,20	32,85	
19	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	88,41	30,92	
20	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	34,19	26,59	
21	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	331,00	183,77	
22	Khu dân cư đô thị (Mỹ Thịnh)	Long Tân	28,50	23,47	
23	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Tân	30,00	27,59	
24	Khu dân cư Phú Hữu	Phú Hữu	201,45	143,15	
25	Khu dân cư Điền Phước	Long Tân	95,20	44,20	
26	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Đại Phước	55,33	12,03	
	2. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha.				
27	Trung tâm Văn hoá thể thao	Vĩnh Thanh	0,88	0,18	
28	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	1,09	0,80	
29	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	1,07	0,75	
30	Đường vào trung tâm đo kiểm	Hiệp Phước	0,09	0,09	
31	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60	2,87	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:	
				Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ
32	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	1,73	
33	Nâng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phú Đông	6,80	4,95	
34	Đường Phú Tân Phú Đông	Phú Đông	11,88	8,70	
35	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phú Hữu, Phú Đông	8,26	0,59	
36	Cảng tổng hợp (Công ty Phúc Thành)	Phước Khánh	10,00	1,19	
37	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Phước Thiện	54,00	5,69	
38	Đường 25C	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội	102,70	6,43	
39	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Phước Thiện	0,43	0,43	
40	Cảng Tổng hợp Phú Hữu (Bến 4)	Phú Hữu	40,59	9,02	
41	Trạm biến áp 220KV An Phước	Hiệp Phước	0,28	0,28	
42	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Nhon Thành)	Đại Phước	2,00	1,78	
43	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	9,60	7,68	
44	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Đại Phước	130,75	8,92	
45	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	18,33	3,06	
46	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	9,84	2,60	
47	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	21,50	1,16	
48	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Đại Phước	4,50	2,60	
49	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Phú Đông	4,90	2,94	
50	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	8,16	5,50	
51	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	70,00	2,06	
52	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Phú Hội	6,45	0,04	
53	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	11,90	9,50	
54	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Phước Thiện	3,30	3,25	
55	Khu dân cư đô thị The Lake (Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Long Tân	35,30	23,80	
56	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Long Thọ	10,00	6,16	
57	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	34,04	2,30	
58	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Phước Khánh	14,65	5,49	
59	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Phước Thiện	13,00	6,04	
60	KDC Phú Đông Riverside	Phú Đông	2,35	0,77	
61	KDC theo quy hoạch	Long Thọ	3,85	0,55	
62	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	7,60	4,42	
63	Khu dân cư An Gia	Phú Hữu	4,52	1,70	
64	Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	Phú Thạnh	4,50	0,10	
65	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	Hiệp Phước	0,14	0,14	
66	DZ 220kV đấu nối NMD Nhon Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	Phước Khánh; Vĩnh Thanh; Phước An; Long Tân; Phú Hội; Phước Thiện	3,17	0,85	
67	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhon Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	1,20	1,05	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:	
				Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ
68	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	Phước Thiện	52,93	3,02	
	3. Chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình cá nhân		26,00	26,00	
1	Đất trồng lúa (1 và 2 vụ) sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, thị trấn	15,00	15,00	
2	Đất trồng lúa (1 và 2 vụ) sang đất ở	Các xã, thị trấn	6,00	6,00	
3	Đất trồng lúa chuyển sang đất thương mại dịch vụ	Các xã, thị trấn	5,00	5,00	

